TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BẮC TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **29**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 8 -2018
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Tống Quốc Thanh;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Tính;
Ông Đỗ Mạnh Điền.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Hoàng Thị Thu Vân - Thư ký Toà án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận bắc Từ Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 89/2018/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2018 về việc *Xin ly hôn* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2018/QĐXX-ST ngày 29 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1981; nghề nghiệp: Kinh doanh tự do.

HKTT: Tập thể Z, phường P, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Địa chỉ: Số 8 ngách 105/41 đường D, phường M, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Vương Văn D, sinh năm 1977.

HKTT: Tập thể Z, phường P, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Địa chỉ: Số 23 đường P, tổ 9, phường P, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/3/2018 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Mai Chi trình bày:

Về tình cảm: Anh chị có tìm hiểu và quen biết nhau trong khoảng 01 năm. Đến ngày 01/3/2001, anh chị đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện T, TP. Hà Nội trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống, anh chị thường xuyên bất đồng quan điểm. Năm 2011, tình cảm vợ chồng giảm sút dẫn đến cãi nhau và anh D hay dùng vũ lực với chị. Anh D không tôn trọng gia đình chị và không có trách nhiệm nuôi dạy các con. Anh chị cũng đã nhiều lần ngồi nói chuyện để sửa đổi nhưng không tìm ra được tiếng nói chung. Anh chị đã sống ly thân, không còn quan hệ tình cảm từ tháng 8/2017 cho đến nay. Chị xác định không còn tình cảm với anh D, không thể đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị và anh D.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Vương Thị H, sinh ngày 29/5/2001 và cháu Vương Văn N, sinh ngày 05/12/2007. Do các con ở với mẹ từ nhỏ nên khi ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi 02 con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, chị kinh doanh tự do, thu nhập khoảng 10 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh chị không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vương Văn D đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để lấy lời khai và hòa giải nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con chung. Về tài sản chung và công nợ không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên toà phát biểu ý kiến như sau: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định tại chương 14 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự ; Bị đơn không thực hiện đúng quy định Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đề nghị Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với anh D. Anh chị có 02 con chung là cháu Vương Thị H, sinh ngày 29/5/2001 và cháu Vương Văn N, sinh ngày 05/12/2007. Khi ly hôn giao cả 02 con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh D. Về tài sản chung và công nợ, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định :

[1] *Về tố tụng:*

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án "Tranh chấp về ly hôn", bị đơn là anh Vương Văn D hiện đang cư trú tại Số 23, tổ 9, đường P, phường P, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Vương Văn D nhưng anh D đều vắng mặt không có lý do. Ngày 07/5/2018, Tòa án có mặt tại số 23 đường P, phường P, quận Bắc Từ Liêm để tống đạt và lấy lời khai của anh D, anh D có mặt ở nhà nhưng từ chối làm việc với Tòa án và không đồng ý nhận giấy triệu tập. Vì vậy, Tòa án không lấy được lời khai của anh D về việc ly hôn với chị A, vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng anh D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với anh D.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị A và anh Vương Văn D có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện T, TP. Hà Nội ngày 01/3/2001 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu là hôn nhân hợp pháp. Theo chị A khai từ năm 2011, anh D không tôn trọng gia đình chị và không có trách nhiệm nuôi dạy con cái nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, anh D hay dùng vũ lực với chị. Anh chị đã sống ly thân mỗi người ở một nơi từ tháng 8/2017 cho đến nay.

Xác minh tại tổ dân phố số 9 phường P, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội là nơi cư trú của anh D được cung cấp mâu thuẫn của anh chị địa phương không nắm được do không biểu hiện mâu thuẫn ra bên ngoài và không yêu cầu tổ dân phố hòa giải nhưng thời gian gần đây thấy anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt trực tiếp và niêm yết các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý, giấy triệu tập lấy lời khai, thông báo phiên họp và hòa giải cho anh D để anh được trình bày quan điểm, đối chất và hòa giải với chị A qua đó làm rõ nguyên nhân và tình trạng mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh đều vắng mặt không có lý do. Ngày

07/5/2018, Tòa án có mặt tại nơi cư trú của anh D, anh D có mặt ở nhà nhưng từ chối làm việc với Tòa án và không đồng ý nhận giấy triệu tập. Điều này chứng tỏ, anh D biết việc chị A khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án nhưng cố tình chống đối và phù hợp với lời khai của chị A là sau khi chị nộp đơn ly hôn thì quan hệ vợ chồng không được cải thiện, vợ chồng vẫn không quan tâm hay chăm sóc gì cho nhau.

Như vậy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị A đối với anh Vương Văn D.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Vương Thị H, sinh ngày 29/5/2001 và cháu Vương Văn N, sinh ngày 05/12/2007. Khi ly hôn chị A có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Anh D không đến Tòa án, không có quan điểm trình bày về việc nuôi con chung. Nhận thấy, hiện nay chị A đang trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con; các con đều có nguyện vọng được ở với chị A, trong khi đó anh D tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình tại Tòa án nên để đảm bảo sự ổn định cuộc sống cho các cháu tiếp tục giao cả 02 con cho chị A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của chị A không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh D cho đến khi có yêu cầu khác. Anh D có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Nguyễn Thị A khai không có tài sản chung và công nợ chung. Anh Vương Văn D không có lời khai nên giành quyền khởi kiện cho anh D khi có yêu cầu, Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[2.4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị A. Chị Nguyễn Thị A được ly hôn với anh Vương Văn D.

2. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Vương Thị H, sinh ngày 29/5/2001 và cháu Vương Văn N, sinh ngày 05/12/2007. Giao cả 02 con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng tính từ tháng 8 năm 2018 cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Ghi nhận sự tự nguyện của chị A không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh D cho đến khi có yêu cầu.

Anh D được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Biên lai số 05942 ngày 08/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm. Chị A đã nộp đủ.

Án xử công khai, Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Nguyên đơn, bị đơn;
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND Q. Bắc Từ Liêm;
- UBND phường P;
- Chi cục thi hành án quận Bắc Từ Liêm;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Tống Quốc Thanh